

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2021

V/v “Yêu cầu xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Duyên

2. Ông La Văn Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án Nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Yêu cầu ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn P, xã Q 2, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phi A – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn P, xã Q 2, huyện X, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của N đơn chị Nguyễn Thị Thu H tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A có thời gian tìm hiểu với nhau được 02 năm, cho đến tháng 3/2008 thì chị H và anh A tự nguyện xây dựng gia đình với nhau nhưng đến ngày 21/10/2009 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Q 2, huyện X, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa anh chị không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, chị H thường xuyên bị anh A đánh đập. Cho đến tháng 8/2018 chị H ra thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn

sống chung với nhau cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị H cho rằng tình cảm giữa vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa chị với anh A không có hạnh phúc, nên chị H yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung: Nguyễn Cao L - sinh ngày 01/7/2009 và Nguyễn Thị Nhật N – sinh ngày 24/10/2010, cả hai hiện đang ở với anh A. Khi ly hôn, chị H thống nhất anh A trực tiếp nuôi 02 con, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Phi A để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A không đến Tòa để làm việc. Cho đến ngày 14/4/2021 anh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn anh A đã thể hiện như sau: Về quan hệ hôn nhân chị H đã bỏ nh đi từ năm 2018 cho đến nay, nay yêu cầu xin ly hôn anh A đồng ý; Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Cao L – sinh ngày 01/7/2009 và Nguyễn Thị Nhật N – sinh ngày 24/10/2010, hiện đang ở với anh A. Sau khi ly hôn, anh A yêu cầu được nuôi 02 con, anh đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh A yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, vì công việc nên anh A không tham gia phiên tòa được.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.; N đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.; Riêng bị đơn anh Nguyễn Phi A đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Nguyễn Cao L – sinh ngày 01/7/2009 và Nguyễn Thị Nhật N – sinh ngày 24/10/2010 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh A không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội. Buộc chị H pA chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Phi A vắng mặt tại Tòa nhưng anh A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Phi A tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q 2, huyện X, tỉnh Phú Yên vào ngày 21/10/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa cho đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, không thể khắc phục được. Đến tháng 10/2018 thì chị H ra thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay. Hôm nay, chị H nhận thấy tình cảm giữa chị và anh A không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Mặc dù anh A vắng mặt tại Tòa hôm nay nhưng anh A có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn anh A đã thể hiện rõ ý kiến của anh đối với đơn xin ly hôn của chị H. Anh A thống nhất theo yêu cầu và nguyện vọng của chị H về quan hệ hôn nhân, về con chung và về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung: Nguyễn Cao L – sinh ngày 01/7/2009 và Nguyễn Thị Nhật N – sinh ngày 24/10/2010 hiện nay anh A đang nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2021 của cháu Nguyễn Cao L và cháu Nguyễn Thị Nhật N đều có nguyện vọng ở với anh A, bản thân anh A cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Mặt khác, hiện tại chị H chưa có chỗ ổn định, pA ở nhà thuê, do vậy giao cháu L, N cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh A không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Phi A không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Phi A.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao L – sinh ngày 01/7/2009 và Nguyễn Thị Nhật N – sinh ngày 24/10/2010 cho anh Nguyễn Phi A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh A không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu H pA chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2015/006703 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Phi A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Dương sự
- VKSND H. X (02 bản);
- UBND xã Q 2, X;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XET XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

